

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 15-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Múi

Bà Lương Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/HSST-QĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Giàng Mí C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/9/1977 tại huyện ĐV, tỉnh HG; Nơi cư trú: thôn HCL, xã TL, huyện ĐV, tỉnh HG; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 0/12 (mù chữ); dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Súa N (đã chết) và con bà Lầu Thị S, sinh năm 1954; vợ: Thò Thị D, sinh năm 1978; Con: 04 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị tạm áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ 29/9/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Bị hại: Sùng Mí P, sinh ngày 20/11/2000; Nơi cư trú: xóm PC, xã NC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Hầu Mí L, sinh ngày 01/9/1984; Nơi cư trú: xóm NĐ, xã NC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

+ Chá Mí L, sinh ngày 10/10/2001; Nơi cư trú: xóm NT, xã TL, huyện BL,

tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông*: Ông Sùng Văn P; Địa chỉ: xóm PR, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 00 phút, ngày 27/9/2023, Công an huyện BL nhận được tin báo của ông Sùng Mí P, về việc, ngày 26/9/2023 ông bị một người đàn ông tên là Giàng Mí C lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 37.400.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện BL đã xác định được như sau:

Hầu Mí L là anh trai của Hầu Thị S, S là vợ của Sùng Mí P. Vào tháng 9 năm 2023, L đến thăm S tại Trung tâm y tế huyện BL vì S bị ốm đã lâu nhưng chưa khỏi bệnh. L nói với P, có quen biết với Giàng Mí C ở huyện ĐV, tỉnh HG làm nghề thầy cúng, P đã nhờ L đến gặp C để giúp xem bói cho S. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 25/9/2023, L đến nhà C nói với C, trong nhà có người bị ốm nặng, đã đi bệnh viện điều trị nhiều ngày nhưng không khỏi, nhờ C xem bói giúp. Lúc này, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên bảo L tự châm một nén hương rồi đưa cho C để C xem bói. C thắp hương và nói với L "Người nhà của mày bị người khác lấy 35.000.000 đồng để làm ma, bây giờ muốn khỏi thì phải bỏ ra 35.000.000 đồng để làm lễ giải ma lại, nếu không thì người nhà sẽ chết". L hỏi lại C, có thật là cúng xong thì khỏi bệnh không, C trả lời là đúng, vì C đã cúng cho nhiều người khác khỏi rồi. C bảo L gọi điện cho người nhà hỏi xem gia đình có đồng ý làm lễ giải hạn không. L gọi điện thoại về cho P, nói về yêu cầu của C, cũng như khả năng giải hạn của C, P nghe vậy rất tin, đã đồng ý. Sáng ngày 26/9/2023, L đưa C về nhà P, trước khi làm lễ, C nói với P đưa tiền công làm lễ cho C trước, đưa bao nhiêu cũng được và bảo gia đình tìm một hang đá để chôn tiền. Đến chiều ngày 26/9/2023, P đưa cho C số tiền 2.400.000 đồng tiền công. C nói gia đình P chuẩn bị một miếng ván gỗ nhỏ, một cái chén và một nén hương. Khi làm lễ giải hạn, C cầm hương bẻ từng đoạn dài khoảng một đốt ngón tay và nói mỗi một đoạn hương tượng trưng cho một thành viên trong gia đình P, C đổ một ít nước vào trong chén rồi úp vào tấm ván gỗ, C nói, làm như vậy sẽ không có linh hồn của ai trong gia đình P bị ma ám. C lăm bắm khoảng một phút thì bảo gia đình P chuẩn bị một số vàng mã và số tiền 35.000.000 đồng để đi chôn. C nói, số tiền 35.000.000 đồng này và số vàng mã sẽ chôn xuống đất, lấy dao đâm thủng để cúng ma. P đưa cho L 35.000.000 đồng được gói trong túi nilon màu trắng và để chung với số tiền vàng mã đựng trong túi nilon màu xanh treo ở xe của Chả Mí L là em rể của P. C bảo L và L đưa đến vị trí hang đá để chôn tiền, P và những người khác không được đi theo, C nói, vì sợ khi lấy dao đâm thủng số tiền đem chôn sẽ đâm trúng linh hồn của gia đình P. Sau đó, L chở L cầm theo túi tiền, C tự đi xe mô tô một mình. Đi được khoảng 700 mét đến 800 mét thì dừng xe, tiếp tục đi bộ khoảng 100 m nữa thì đến hang đá là nơi L và L xác định là địa điểm để chôn tiền. C, L, L cùng nhau trèo lên hang đá. L đưa túi tiền cho C, C bảo L đào một hố để chôn tiền. C lấy số tiền và tiền vàng mã chia làm 03 phần, túi tiền thật và một phần tiền vàng mã C giữ, còn 02 phần tiền vàng mã còn lại C

đưa cho L và L đi chôn ở hai vị trí khác nhau và thấp hơn vị trí của C. Khi L và L đi đến vị trí chôn vàng mã thì C chỉ nhìn thấy vị trí của L, còn vị trí của L bị khuất sau vách đá. Lúc này, C chỉ chôn tiền vàng mã và không chôn số tiền 35.000.000 đồng mà cho số tiền 35.000.000 đồng vào bên trong áo khoác đang mặc thì tiền bị rơi xuống đất do áo khoác không có túi bên trong, L đã nhìn thấy số tiền bị rơi ra. C biết hành vi gian dối của mình bị phát hiện nên không dám lấy số tiền này ngay mà cho vào một khe đá nhỏ gần vị trí chôn tiền vàng mã để đợi một thời gian sau nếu gia đình P không phát hiện thì C sẽ quay lại lấy số tiền này. C dùng dao đâm thủng số tiền vàng mã và lấy đất đá phủ lên. Chôn xong, C, L đi về nhà của mình, còn L đón P đến Trung tâm y tế huyện BL tiếp tục chăm sóc S. L nhiều lần gọi điện thoại cho C nhưng C không nghe máy, khoảng 21 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho P kể lại sự việc đã nhìn thấy C cầm tiền cho vào trong áo mà không chôn tiền. L gọi điện thoại cho C để hỏi về số tiền, C nói, không lấy số tiền mà tiền vẫn chôn ở vị trí cũ. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 27/9/2023, L và P đến chỗ chôn để kiểm tra, thấy còn nguyên vẹn. L tiếp tục gọi điện thoại cho C nhưng C không nghe máy. Do đó, P, L đã đến Công an huyện BL để trình báo sự việc.

C biết bản thân bị phát hiện, khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27/9/2023, C một mình đi mô tô đến xóm Phia Cò xã Nam Cao và gọi điện thoại cho L bảo cùng nhau đi đến nhà P nhưng L nói không đi vì trời mưa to. Đến sáng ngày 28/9/2023, C đến nhà P để cùng P và L đi lấy số tiền để trả lại cho P, khoảng 02 giờ, ngày 29/9/2023, C đi đến xóm Phia Cò thì bị gia đình P phát hiện, báo lên Công an huyện BL để bắt giữ. Công an huyện BL đã tạm giữ 01 điện thoại, số tiền 889.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23Nx - xxx. Cùng ngày, Công an huyện BL đã khám nghiệm hiện trường và thu giữ số tiền 35.000.000 đồng tại vị trí hang đá mà C đã cất giữ.

Quá trình điều tra, Sùng Mí C đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã trả lại cho P số tiền 35.889.000 đồng. Ngày 25/10/2023, Giàng Mí Và là con trai của C đã bồi thường cho Sùng Mí P số tiền 1.511.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBL, ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Giàng Mí C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng Mí C đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo có đề nghị được trả lại 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động, miễn án phí.

Bị hại Sùng Mí P có đơn xin vắng mặt, xác định đã nhận lại được toàn bộ tài sản bị C chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường thêm.

Người làm chứng Hàu Mí L khai, ngày 25/9/2023, L là người được P nhờ đến nhà bị cáo C xem bói cho S, L không biết C gian dối nói có thể giải hạn để S khỏi bệnh, C yêu cầu gia đình P phải đưa số tiền 35.000.000 đồng làm lễ giải hạn cho S. Đến chiều ngày 26/9/2023, C làm lễ giải hạn nhưng C không đem chôn số tiền mà đã lấy số tiền, Chá Mí L đã nhìn thấy C lấy số tiền.

Chá Mí L có lời khai, vào trưa ngày 26/9/2023, L được P nhờ đến nhà phụ giúp làm lễ giải hạn cho S. L đã đi cùng với L và C đi chôn tiền, L chôn tiền vàng mã, còn số tiền 35.000.000 đồng C cầm giữ để chôn nhưng C đã không chôn mà cho vào trong áo khoác của C. Đến tối, L đã kể lại sự việc cho P nghe. Sáng ngày 27/9/2023, L và P đến hang đá nơi C chôn tiền để kiểm tra thì phát hiện C chỉ chôn tiền vàng mã, không chôn số tiền thật, vì vậy, L và P đã đến Công an huyện BL để trình báo sự việc bị C lừa đảo.

Phản tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng Mí C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i, khoản 1; khoản 2, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Sùng Mí C từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng; Về hình phạt bổ sung, không áp dụng; Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 23Nx - xxx; Hoàn trả cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Infinix Hot 30i; Về án phí, đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa, nhất trí với truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo C đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là 12 tháng tù cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Đề nghị áp dụng khoản 4, Điều 328 của Bộ luật Hình sự, trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa; Về vật chứng, đề nghị trả lại 01 xe mô tô cho bị cáo do bị cáo chỉ sử dụng chiếc xe để đi lại không phải phương tiện đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại do bị cáo không sử dụng để làm công cụ phương tiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Về án phí, đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tranh luận: Về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt theo đề nghị của người bào chữa trùng với đề nghị của của Đại diện Viện kiểm sát nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị trả lại 01 xe mô tô, Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí, do bị cáo đã sử dụng xe mô tô để làm phương tiện đến nhà bị hại ở huyện BL thực hiện hành vi phạm tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan đề nghị tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

Người bào chữa tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô cho bị cáo vì chiếc xe không phải là phương tiện phạm tội chỉ là phương tiện đi lại của bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại; Tại phiên tòa bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng toàn bộ tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Giàng Mí C hành nghề thầy cúng trong khoảng thời gian dài. Ngày 26/9/2023 tại xóm Phia Cọ, xã Nam Cao, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, bị cáo C đã lợi dụng lòng tin vào việc xem bói, giải hạn của bị hại Sùng Mí P, bị cáo đã gian dối nói bản thân có thể giải hạn giúp cho vợ của bị hại được khỏi bệnh, nếu bị hại không giải hạn thì người nhà đang bị bệnh sẽ chết làm cho bị hại P tin tưởng giao số tiền 37.400.000 đồng cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng giao số tiền 37.400.000 đồng rồi chiếm đoạt số tiền này của bị cáo C đã đủ yếu tố C thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố bị cáo Sùng Mí C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Đồng phạm, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án không có đồng phạm chỉ do một mình bị cáo thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do hám lợi bất chính mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện tuy có tính chất ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ,

cần thiết phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không được đi học nên mù chữ, bị cáo được gia đình nuôi dưỡng, lớn lên lấy vợ sinh con và sinh sống bằng nghề trồng trọt. Ngoài ra, bị cáo C còn hành nghề thầy cúng tính đến nay đã được 23 năm. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, bị cáo tìm đến gia đình bị hại để đề cùng bị hại đi lấy số tiền trả cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b, i, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo Giàng Mí C phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ để bị cáo trở thành một người công dân tốt, phù hợp với quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao. **Căn cứ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt cần thiết phải xử phạt bị cáo khoảng giữa khung hình phạt, tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt xuống mức nửa đầu khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.**

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo theo Biên bản xác minh ngày 20/11/2023, gia đình bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Sùng Mí P có đơn xin xét xử vắng mặt, xác nhận, đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

[11.1] Đối với 01 điện thoại là tài sản của bị cáo, bị cáo không sử dụng điện thoại để trao đổi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần trả lại cho bị cáo, đề nghị của bị cáo và người bào chữa trả lại 01 điện thoại là phù hợp nên được chấp nhận theo điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[11.2] Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 23Nx - xxx, bị cáo có ý định

chiếm đoạt tài sản của bị hại từ khi L đến nhà nhờ bị cáo xem bói giúp, bị cáo gian dối nói có thể giải hạn cho người nhà của bị hại khỏi bệnh, bị cáo đã sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi từ nhà bị cáo đến nhà bị hại để lừa đảo chiếm đoạt số tiền nên chiếc xe là vật chứng vụ án, cần tịch thu, phát mai, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Do đó, đề nghị của bị cáo và người bào chữa trả lại xe mô tô cho bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[12] Trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo Giàng Mí C đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam theo Lệnh tạm giam số 37/LTG-VKSBL ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, bị cáo được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo nên cần tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, đề nghị của người bào chữa trả tự do ngay cho bị cáo là phù hợp, được chấp nhận theo khoản 4, Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí, xét đơn xin miễn án phí của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo miễn án phí là phù hợp, được chấp nhận theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận. Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Giàng Mí C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm b, s, i, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng Mí C 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án. Không phạt bổ sung bị cáo.

Giao bị cáo Giàng Mí C cho Ủy ban nhân dân xã Tả Lũng, huyện ĐV, tỉnh HG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự".

3. Áp dụng khoản 4, Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Giàng Mí C tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Giàng Mí C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Infinix Hot 30i, vỏ màu cam, viền bằng kim loại màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 351040363422420, số IMEI 2: 351040363422438 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, phát mai, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen, đỏ, dung tích 109cc, biển kiểm soát: 23Nx - xxx, số khung: RLHJC4329BY265407; số máy: JC43E-6195951, có 02 gương chiếu hậu, có chìa khoá kèm theo (đã qua sử dụng).

Xác nhận, vật chứng, tài sản trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 15 ngày 29/11/2023.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí C.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim